

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng 03 (Đợt 1)**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 05 – 06/03/2024

**Ngày cung cấp TT:** 07/03/2024

**3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở 1 cánh.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đông Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé 2 cánh.
5	9	Công Lương Cỏ	Công mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Công mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Công mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở hé.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Căn cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

**A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Không có vị trí nào.

**B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Không có vị trí nào

**C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu:** Các vị trí đạt giới hạn trên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín, Kênh Hòa Bình.

**D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp:** Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Liên Mạc, Phù Lý – cầu Phù Vân, Sông Đăm, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu.

**Không đạt mức D:** Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Cầu Tô, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cỏ, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Duy Tiên, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cống Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 73%, gió Đông 4 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước thấp. Cống Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở 1 cánh. Nước màu xanh đen, có hiện tượng tù đọng, phú dưỡng.	8.16	23.6	2.16	0.5	11.267	1.058	650	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diên	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đám, kênh Xuân La vào.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 84%, gió Đông 4 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.49	20.7	0.76	0.6	20.124	2.363	806	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 22%, gió ĐN 16 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Hai bên sông có nhiều rác. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.2	18.2	0.31	0.6	40.948	3.083	879	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 15%, gió ĐN 16 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên bờ sông có nhiều rác thải. Nước màu đen.	7.46	20.2	0.47	0.6	35.431	2.318	819	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 37%, gió ĐN 12 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.37	19.7	0.59	0.6	33.178	3.128	847	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 47%, mật độ mây 11%, gió ĐN 22 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình, đập mở thông. Nước màu đen.	7.29	23.5	0.81	0.6	24.476	3.488	831	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 31%, gió ĐN 17 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.36	30.6	0.9	0.6	26.962	2.385	841	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 41%, gió ĐN 17 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở hé 2	7.3	27.1	1.06	0.6	23.699	2.903	825	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đập.	cánh. Thượng lưu dồn ú nhiều bèo. Nước màu đen.								
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 47%, gió ĐN 15 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình, công mở thông. Khu vực lấy mẫu đang pha nước ô nhiễm từ thượng lưu chảy về. Nước màu xanh đen.	7.85	40.5	1.61	0.6	8.314	3.870	705	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phủ Lý – cầu Phủ Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 47%, gió ĐN 15 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Đáy. Mực nước	7.59	42.9	3.71	0.5	5.828	1.958	717	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCYN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCYN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCYN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCYN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào sông Đáy.	trung bình. Nước màu xanh lục.								
11	Sông Đám	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 84%, gió Đông 4 km/h.  Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.15	15.1	3.67	0.4	5.051	2.903	583	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 30%, gió ĐN 16 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.36	16.9	0.47	0.6	23.776	2.408	816	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 22%, gió ĐN	7.29	21.3	0.21	0.6	38.228	1.823	917	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		trước khi đổ vào sông Nhuệ.	16 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước hạ lưu thấp hơn thượng lưu. Nước màu đen.								DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 84%, gió Đông 4 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Mực nước trung bình, cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	8.06	20.7	0.91	0.6	13.908	1.935	796	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khổng chế	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 13%, gió ĐN 17 km/h. Dòng chảy chậm ra	8.2	31.6	0.17	0.6	32.401	2.250	926	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	nhập lưu sông Nhuệ. Công mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu xám đen.								
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 13%, gió ĐN 17 km/h.  Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, công mở hé. Nước màu xám đen.	7.96	21.6	0.3	0.6	35.664	2.160	891	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên hữu sông Nhuệ, không chế nước thải	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 20%, gió ĐN 16 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước	7.91	21.7	0.42	0.6	39.005	2.678	906	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	thấp, trên kênh có nhiều rác. Lòng kênh bị thu hẹp do đang làm kè. Nước màu đen, mùi hôi thối.								
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 14%, gió ĐN 16 km/h.  Không có dòng chảy, nước đứng. Mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.76	16.3	0.59	0.6	32.401	2.318	827	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 47%, mật độ mây 11%, gió ĐN 22 km/h.  Dòng chảy chậm về hướng sông Nhuệ,	7.69	45.7	3.47	0.4	3.574	3.870	602	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		sông Đáy.	mực nước thấp. Nước màu xanh lục.								
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 31%, gió ĐN 17 km/h.  Dòng chảy chậm ra hướng sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.36	32.5	1.06	0.6	23.854	1.958	795	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 22%, gió ĐN 16 km/h.  Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước thấp, cống mở hé. Nước màu	8.2	41.5	0.46	0.6	16.706	7.110	937	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			xám đen.								
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 37%, gió ĐN 12 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.36	23.6	4.79	0.4	1.484	3.488	506	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 15%, gió ĐN 16 km/h.  Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.41	17.8	4.24	0.4	1.678	2.903	639	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ghi chú:

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Trần Gia Khánh*